

Bản án số: 25/2020/HS-ST  
Ngày 03 tháng 9 năm 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thanh Bình

***- Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết

2. Bà Nguyễn Thị Ngân Hiền

***- Thư ký phiên tòa:*** Hà Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân, thành phố H, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 26/2020/QĐXXST- HS ngày 05 tháng 8 năm 2020; quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐ-ST ngày 14/8/2020 đối với bị cáo:

**- NGUYỄN QUỐC H;** sinh ngày 20/8/2000, tại tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Tổ 15, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang H (đã chết) và bà Vũ Song H; vợ, con: chưa có; tiền án: Có 01 Tại bản án số 62/2018/HSST ngày 22/3/2018 TAND quận N, thành phố Hà Nội xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội Trộm cắp tài sản; bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

**- Bị hại:** chị Nguyễn Thị Hồng Th; địa chỉ: Tổ 16, phường N, thành phố H, vắng mặt.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Nguyễn Văn Đ; địa chỉ: Tổ 16, phường T, thành phố H, vắng mặt.

2. Nông Nhật L; địa chỉ: Tổ 06, phường M, thành phố H, vắng mặt.

3. Nguyễn Hữu K; địa chỉ: Tổ 15, phường M, thành phố H, vắng mặt.

- Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị X; cháu Nguyễn Văn T; sinh ngày 30/8/2009; Đại diện theo pháp luật của cháu T là chị Nguyễn Thị Hồng Th (mẹ đẻ), vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 01/01/2020, tại tổ 16, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, bị cáo Nguyễn Quốc H đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 (một) chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu HP PROBOOK 4530S của chị Nguyễn Thị Hồng Th có giá trị 3.000.000đ (ba triệu đồng), sau đó mang đến cửa hàng Khương K cầm cố được 700.000đ, số tiền này bị cáo sử dụng hết.

Tại phiên tòa bị cáo H khai nhận: Khoảng 14 giờ ngày 01/01/2020, bị cáo đi xe Taxi (không rõ biển kiểm soát ) đến nhà Nguyễn Văn Đ đón Nông Nhật L (là người làm thuê cho Đ) đi uống rượu. Do không có tiền, bị cáo rủ L đến nhà chị Th (là bạn của anh trai H) với mục đích để bị cáo vay tiền. Khi đến nhà chị Th, L ngồi trên xe taxi đợi, bị cáo một mình đi vào thấy cửa không khóa ngoài, đến gần cửa bị cáo gọi: “chị Th ơi”. Thấy có cháu T (Sinh năm: 2009, là con trai Th) đi ra và nói: “mẹ cháu không ở nhà”. Biết là không thể vay được tiền, lại không có người lớn ở nhà nên bị cáo đã nảy sinh ý định lấy chiếc máy tính xách tay trong nhà chị Th mang đi cầm cố (do trước đó bị cáo nhiều lần đến nhà chị Th chơi và biết trong buồng ngủ của chị Th có để một chiếc máy tính xách tay). Bị cáo nói với cháu T: “mở cửa cho chú”. Khi vào trong nhà, bị cáo đi đến buồng ngủ của chị Th thấy chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu HP PROBOOK 4530S đang mở để trên giường ngủ. Bị cáo nói với cháu T: “mẹ bảo chú mang máy tính đi sửa”, cháu T trả lời: “vâng”. Sau đó bị cáo đi đến giường rút sạp và gấp màn hình máy tính lại mang đi (lúc này máy tính đang trong trạng thái hoạt động). Khi ra đến cửa nhà chị T, bị cáo gặp chị X ( là chị gái chồng của Th), chị X hỏi: “mang máy tính của Th đi đâu đấy em”, bị cáo trả lời: “chị Th bảo em mang máy tính đi sửa” và đi lên xe taxi. L hỏi: “máy ở đâu ra”, bị cáo trả lời: “máy tôi mượn của chị tôi” và nhờ L mang chiếc máy tính đi cầm cố. Khi đến quán cầm đồ Khương K thuộc tổ 15, phường M, thành phố H và gặp anh K (là chủ cơ sở) đặt vấn đề cầm cố chiếc máy tính, anh K yêu cầu xuất trình Giấy chứng minh thư nhân dân. Bị cáo và L đều không có chứng minh thư nên anh K không đồng ý nhận cầm cố chiếc máy tính. Bị cáo và L đi ra ngoài cửa mượn điện thoại người lái xe taxi gọi cho Nguyễn Văn Đ ( là bạn của anh trai H) nhờ đến hiệu cầm đồ Khương K cầm cố hộ chiếc máy tính, Đ đồng ý. Khi đến quán cầm đồ Khương K, gặp bị cáo, Đ hỏi: “máy của ai đấy”, bị cáo trả lời: “máy của em”, Đ cầm chiếc máy tính vào quán và gặp chị H (là vợ của anh K) cầm cố chiếc máy tính được số tiền 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng). Sau khi có được tiền bị cáo trả tiền đi xe taxi, số tiền còn lại bị cáo chi trả cho việc uống bia của bị cáo và L.

Theo kết luận định giá tài sản, số: 04/KL-HĐĐGTS ngày 15/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố H, kết luận: Chiếc máy tính nhãn hiệu HP PROBOOK 4530S, ngày 01/01/2020 Nguyễn Quốc H chiếm đoạt tài sản có giá trị: 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

\* Vật chứng vụ án thu được:

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an thành phố H đã thu giữ vật chứng và trả lại cho chủ sở hữu theo Quyết định xử lý vật chứng số: 09/QĐ-CQĐT ngày 07/4/2020, gồm: 01 (một) chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu HP PROBOOK 4530S.

Bản cáo trạng số 22/QĐ- VKTPHG ngày 16/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố bị cáo Nguyễn Quốc H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H sau phần xét hỏi và tranh luận thay đổi kết luận về hành vi phạm tội của bị cáo:

Về hành vi phạm tội của bị cáo H đã được nêu rõ tại Cáo trạng số 22 ngày 16/6/2020 của VKSND thành phố H. Tuy nhiên, căn cứ trình bày của chị Th trong đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa hôm nay thấy rằng tài sản mà bị cáo chiếm đoạt thuộc quyền sở hữu của chị Th. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đưa ra thông tin sai sự thật đối với cháu T (là con trai chị Th) về việc Th có nhờ bị cáo đi sửa máy tính, khiến Thắng tin tưởng và để bị cáo lấy đi tài sản. Việc bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản chỉ là phương thức, thủ đoạn để bị cáo chiếm đoạt tài sản của chị Th. Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo là lén lút với chủ sở hữu, thỏa mãn cấu thành của tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó căn cứ các Điều 319, 321 và 325 BLTTHS, Viện kiểm sát thành phố H chuyển tội danh của bị cáo Nguyễn Quốc H từ phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 sang tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Việc Viện kiểm sát đề nghị thay đổi tội danh khác nhẹ hơn đối với bị cáo Nguyễn Quốc H không làm ảnh hưởng đến bản chất và sự thật khách quan của vụ án, không làm xấu đi tình trạng của bị cáo, nên không thuộc các trường hợp phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung quy định tại Điều 280 Bộ luật TTHS nên đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vụ án và đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc H phạm tội Trộm cắp tài sản.
- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.
- Không đề nghị áp dụng khoản 5 Điều 173 BLHS, xét thấy bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định.
- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, truy thu số tiền 700.000 đồng bị cáo có được do cầm cố tài sản trộm cắp mà có.
- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo H không có ý kiến đối đáp lại với luận tội và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình đã vi phạm pháp luật, việc bị cáo bị xử lý về hình sự là đúng quy định. Bị cáo hứa sẽ cải tạo tốt và xin được hưởng khoan hồng của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử vụ án nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, đại diện theo pháp luật của bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Bị cáo Nguyễn Quốc H trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã khai nhận về hành vi phạm tội: Khoảng 14 giờ ngày 01/01/2020, bị cáo Nguyễn Quốc H đi đến nhà chị Th với mục đích để vay tiền. Khi đến nơi, thấy chị Th không có ở nhà bị cáo H đã nảy sinh ý định lấy chiếc máy tính xách tay trong nhà chị Th mang đi cầm cố. Bị cáo đã nói với cháu T (*Sinh năm: 2009, là con trai Th*) là “*mở cửa cho chú*”. Khi vào trong nhà, bị cáo đi đến buồng ngủ của chị Th thấy chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu HP PROBOOK 4530S đang mở để trên giường ngủ, bị cáo nói dối cháu T: “*mẹ bảo chú mang máy tính đi sửa*”, cháu T trả lời: “*vâng*”. Sau đó bị cáo đi đến giường rút sạp và gập màn hình máy tính lại mang đi. Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối nói dối để tiếp cận tài lấy đi chiếc máy tính của Th trong khi chị Th không có ở nhà, tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 3.000.000đ (*ba triệu đồng*). Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thành phố Hà Giang căn cứ vào lời khai của bị cáo, các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, xác định tài sản mà bị cáo chiếm đoạt thuộc quyền sở hữu của chị Th. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đưa ra thông tin sai sự thật đối với cháu T (là con trai chị Th) về việc Th có nhờ bị cáo đi sửa máy tính, khiến T tin tưởng và để bị cáo lấy đi tài sản. Việc bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản chỉ là phương thức, thủ đoạn để bị cáo chiếm đoạt tài sản của chị Th. Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo là lén lút với chủ sở hữu, thỏa mãn cấu thành của tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó căn cứ các Điều 319, 321 và 325 BLTTHS, Viện kiểm sát thành phố H chuyển tội danh của bị cáo Nguyễn Quốc H từ phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 sang tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS. Xét việc thay đổi quyết định truy tố bị cáo từ tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản sang tội Trộm cắp tài sản là đúng người đúng tội theo quy định của pháp luật. Như vậy, hành vi phạm tội của bị H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173- BLHS.

[3]. Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở về của chủ sở hữu tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp để phục vụ nhu cầu cá nhân, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Bản thân bị cáo H vừa chấp hành xong thời gian

thủ thách của bản án số: 62/2018/HS-ST ngày 22/3/2018 của Tòa án nhân dân quận N, Hà Nội xử phạt bị cáo về tội Trộm cắp tài sản. Lẽ ra bị cáo phải nhận thấy đó là bài học cho bản thân, song bị cáo không có ý thức chấp hành pháp luật, tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới. Do vậy, cần áp dụng hình phạt phù hợp cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để giáo dục bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 - BLHS.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ đó là tình tiết người phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000,đ đến 50.000.000,đ”, Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Th đã nhận lại được tài sản là chiếc máy tính và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, nên HĐXX không giải quyết.

[8]. Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an thành phố H đã thu giữ vật chứng và trả lại cho chủ sở hữu theo Quyết định xử lý vật chứng số: 09/QĐ-CQĐT ngày 07/4/2020, gồm: 01 (một) chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu HP PROBOOK 4530S. Chị Th đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì. Xét việc xử lý của CQCSĐT Công an TP H là phù hợp nên chấp nhận.

[9]. Đối với việc chị Trần Thị H (vợ anh K) cho H cầm cố chiếc máy tính lấy số tiền 700.000đ, nhưng chị H không biết là tài sản trộm cắp. Do đó Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp. Anh Nguyễn Hữu K (chủ cơ sở cầm đồ) không có yêu cầu bị cáo H phải hoàn trả số tiền 700.000đ, do vậy không xem xét.

[10]. Việc H hưởng lợi số tiền 700.000đ từ việc cầm cố tài sản là bất hợp pháp, nên cần truy thu sung ngân sách nhà nước.

[11]. Đối với Nông Nhật L và Nguyễn Văn Đ là người liên quan đến việc tham gia cầm cố chiếc máy tính nhưng không biết là tài sản do H phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý về hình sự là có căn cứ.

[12]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

**QUYẾT ĐỊNH:**

\* Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 - Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Áp dụng Điều 298, 319; khoản 2 Điều 136- BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc H phạm tội " Trộm cắp tài sản"

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H 09 (Chín) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

- Biện pháp tư pháp: Truy thu số tiền 700.000đ của bị cáo H để sung ngân sách Nhà nước.

- Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Quốc H phải chịu 200.000đ, án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

*Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh HG;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Viện kiểm sát TP. H, tỉnh Hà Giang;
- Công an TP.H, tỉnh Hà Giang;
- Nhà tạm giữ - Công an TP.H, tỉnh Hà Giang;
- CQ thi hành án hình sự;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thanh Bình**